

Số: 42/2022/QĐST- HNGĐ

Kim Động, ngày 18 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị D., sinh năm 1990; HKTT: Thôn Trúc Nội, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Hữu T., sinh năm 1988; HKTT: Thôn Đào Lâm, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thị D. A., sinh ngày 05/9/2011; HKTT: Thôn Đào Lâm, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Cháu Nguyễn T. A., sinh ngày 03/7/2020; HKTT: Thôn Đào Lâm, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện nay: Thôn Trúc Nội, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Những người đại diện cho các cháu D. A. và cháu T. A. là: Anh Nguyễn Hữu T. và chị Nguyễn Thị D. (là cha mẹ đẻ của các cháu D. A., T. A.).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D. và anh Nguyễn Hữu T. kết hôn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[2] Về con chung: Chị D. và anh T. có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị D. A., sinh ngày 05/9/2011 và cháu Nguyễn T. A., sinh ngày 03/7/2020. Hiện cháu D. A. đang ở với anh T., cháu T. A. ở với chị D.. Anh T., chị D. thỏa thuận: giao cháu D. A. cho anh T. được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu D. A. thành niên hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật; giao cháu T. A. cho chị D. được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu T. A. thành niên hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị không trái pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Anh T. và chị D. đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hữu T. tự nguyện nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T. và chị Nguyễn Thị D..

- Về con chung: Anh T. và chị D. có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị D. A., sinh ngày 05/9/2011 và cháu Nguyễn T. A., sinh ngày 03/7/2020. Hiện cháu D. A. đang ở với anh T., cháu T. A. ở với chị D.. Giao cháu D. A. cho anh T. tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu D. A. thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật; giao cháu T. A. cho chị D. tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu T. A. thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T. và chị D. được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Anh T. và chị D. đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hữu T. tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002652 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Anh T. đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND + THA huyện;
- UBND xã Nghĩa Dân (GCN số 34, quyền số 01, ngày 19/10/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương

